

Bản án số: 303/2024/HS-PT

Ngày: 29-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoàn Trang

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Bích Sơn

Bà Lưu Thị Đoàn Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 242/2024/TLPT-HS ngày 17/7/2024 đối với bị cáo Tô Thị Ú, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2024/HSST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Tô Thị Ú; sinh năm: 1977; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: B401, tổ A, khu phố C, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: A, tổ E, khu phố D (trước đây là khu phố C), phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn S (đã chết) và bà Đặng Thị T; có chồng và 02 con (lớn nhất sinh năm 1998 và nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: Bà Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1961; hộ khẩu thường trú: Số B, Đỗ Quang Đ, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: Số A, Tổ A, khu phố A, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/8/2023, Tô Thị Ú điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream II biển số 71F4-7831 đến nhà chị Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1961, tại địa chỉ số A đường Đ, Tổ A, khu phố A, phường Đ, Quận A để chơi. Khoảng 10 phút sau, Ú đi vào phòng vệ sinh để đi vệ sinh thì nhìn thấy trên kệ để xà bông có 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, nên Ú nảy sinh ý định trộm cắp chiếc nhẫn này để bán lấy tiền tiêu xài. Ú bước ra ngoài quan sát thấy chị L đang xem ti vi ở phòng khách, Ú trộm cắp chiếc nhẫn giấu vào túi quần bên phải, rồi đi ra ngồi nói chuyện với chị L mục đích để chị L không nghi ngờ, đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì Ú ra về. Lúc này, chị L nhớ đến việc để quên chiếc nhẫn kim loại màu vàng trong phòng vệ sinh nên đi vào kiểm tra thì phát hiện chiếc nhẫn đã bị mất trộm. Nghi ngờ Ú trộm cắp chiếc nhẫn, chị L điện thoại kêu Ú quay lại để hỏi. Lúc này, Ú sợ để chiếc nhẫn trong túi quần dễ bị phát hiện nên Ú lấy chiếc nhẫn bỏ vào cái khăn lau xe quần lại, rồi đặt vào cốp xe mô tô biển số 7184 -7831 cất giấu. Sau đó, Ú điều khiển xe mô tô biển số 7154 -7831 quay trở lại nhà chị L. Chị L hỏi Ú có lấy trộm chiếc nhẫn của chị L không thì Ú không thừa nhận nên chị L yêu cầu Ú mở cốp xe để kiểm tra. Ú mở cốp xe ra nhưng sợ bị chị L phát hiện nên Ú cầm cái khăn chứa chiếc nhẫn vàng chạy bộ ra đường ĐHT14B (cách nhà chị L khoảng 30m), Ú lấy tay dũ cái khăn làm chiếc nhẫn rơi xuống đất, rồi Ú dùng chân phải đạp lên chiếc nhẫn để chị L không thấy. Thấy Ú bỏ chạy, chị L đuổi theo đến nơi Ú đang đứng thì Ú đưa cái khăn cho chị L kiểm tra. Chị L nhìn thấy chiếc nhẫn nằm dưới chân Ú nên Ú xô chị L ra, nhặt chiếc nhẫn lên bỏ đi. Khi đi đến trước nhà không số, đường Đ, Tổ A, khu phố A, phường Đ, Quận A, Ú giấu chiếc nhẫn vào chậu cây trước nhà, mục đích để khi chị L trình báo Cơ quan Công an sẽ không tìm thấy chiếc nhẫn trên người hoặc trong nhà của Ú. Do mệt nên chị L vào nhà nghỉ ngơi, đến khoảng 16 giờ ngày 03/8/2023, chị L đến Công an phường Đ trình báo sự việc, Công an phường Đ mời Ú làm việc.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q, Tô Thị Ú đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung vụ án nêu trên. Đồng thời Ú chỉ điểm để Cơ quan Công an thu giữ chiếc nhẫn vật chứng.

Tại Giấy kết quả thử nghiệm số 06102023/03-PNJL-TNV ngày 09/10/2023 của Công ty TNHH MTV G: 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng (mặt trong chiếc nhẫn có khắc chữ và số “KIM THÀNH TÚ JWR 99.992C”) có khối lượng 7,502 gam và hàm lượng vàng là 98,70%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 328/KL-HĐĐGTS ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản Quận A, kết luận: 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng (mặt trong nhẫn có khắc chữ và số “KIM THÀNH TÚ JWR 99.992C”) có khối

lượng 7,502 gam và hàm lượng vàng là 98,70%, có giá trị tiền là 11.340.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Tô Thị Ú phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Tô Thị Ú 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên buộc về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/6/2024, bị cáo Tô Thị Ú có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Tô Thị Ú giữ nguyên yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo; và đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; Đã kết luận, đủ căn cứ xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Tô Thị Ú, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời gian luật định và hợp lệ nên được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

+ Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Tô Thị Ú phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khi xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau xét xử bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định, nên hợp lệ. Bị cáo có một số tình tiết giảm nhẹ nhưng đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Tuy nhiên, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi cho bị hại nên cần xem xét cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”. Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định thêm điểm h Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có thiếu sót. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có nộp bổ sung một số tài liệu, chứng cứ mới như: bị cáo đang nuôi con trai đang bị bệnh tâm thần và chăm sóc mẹ già yếu.

Tuy nhiên, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là tương xứng với tính chất mức độ vi phạm, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 113/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có thể chăm sóc, nuôi dưỡng con trai đang bị bệnh và mẹ già yếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/6/2024, bị cáo Tô Thị Ú có đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại các Điều 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên về hình thức được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án, tội danh:

[2.1] Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo Tô Thị Ú tại cấp phúc thẩm phù hợp lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/8/2023, bị cáo Tô Thị Ú lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt trong chiếc nhẫn có khắc chữ và số “KIM THÀNH TÚ JWR 99.992C” của chị Nguyễn Mỹ L, trị giá 11.340.000 đồng tại địa chỉ số A đường Đ, Tổ A, khu phố A, phường Đ, Quận A. Hành vi của bị cáo Ú đã phạm vào tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Như vậy, với trị giá tài sản chiếm đoạt là 11.340.000 đồng (thuộc trường hợp có giá trị từ 02 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng) và hành vi nêu trên của bị cáo, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Tô Thị Ú, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Về nội dung yêu cầu kháng cáo:

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã giao nộp thêm một số tài liệu, chứng cứ mới như: Bị cáo đang nuôi dưỡng, chăm sóc con trai tên Đoàn Minh T1, sinh ngày 27/01/1998 đang mắc bệnh tâm thần và mẹ già yếu tên Đặng Thị T, sinh năm 1943. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải; nhân thân tốt; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và khả năng tự cải tạo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tô Thị Ú; sửa bản án sơ thẩm số 113/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh về trách nhiệm hình sự của bị cáo Tô Thị Ú.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Tô Thị Ú 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày 29/8/2024.

Giao bị cáo Tô Thị Ú cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Tô Thị Ú không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Có giải thích chế định án treo cho bị cáo./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND Quận 12; (1)
- VKSND Quận 12; (1)
- Công an Quận 12; (1)
- Chi cục THADS Quận 12; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (19) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoàn Trang